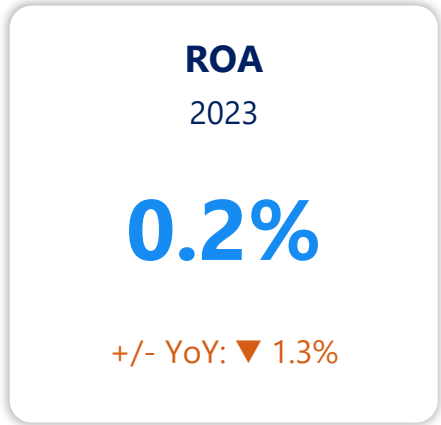
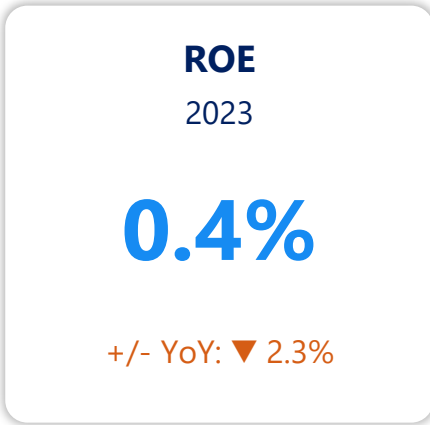
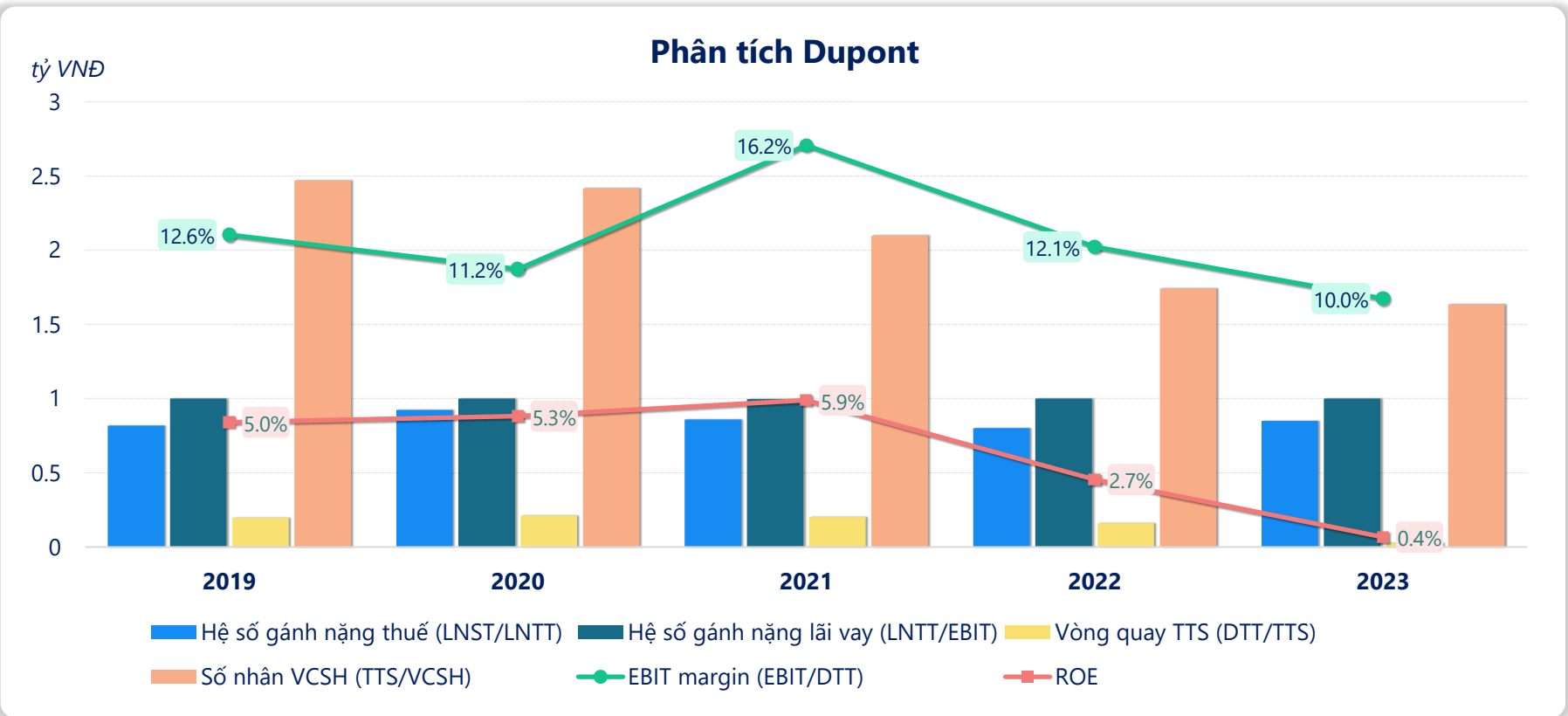
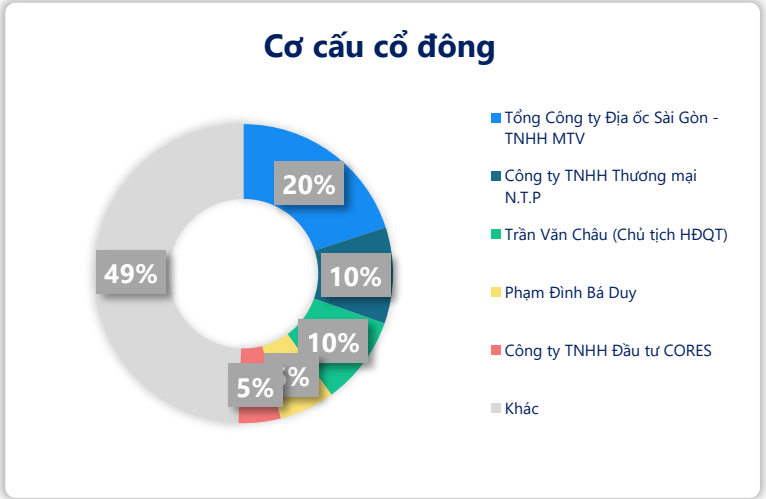


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

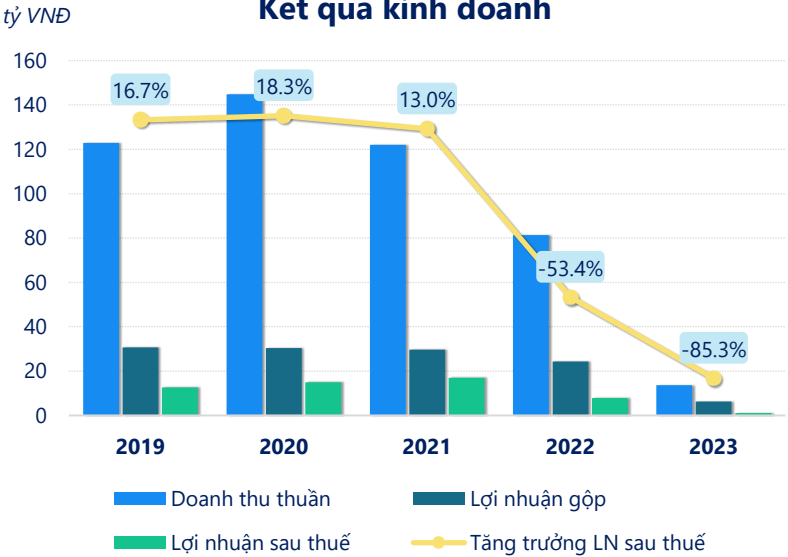
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		13,700
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		11,500 - 14,762
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		190
Số lượng CPLH (CP)		13,858,714
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,820
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		0.48
EPS		84
P/E		163.6

	YTD	1T	3T	6T
RCL	4.6%	3.0%	15.1%	9.5%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Địa ốc Chợ Lớn (HNX: RCL)

Kết quả kinh doanh

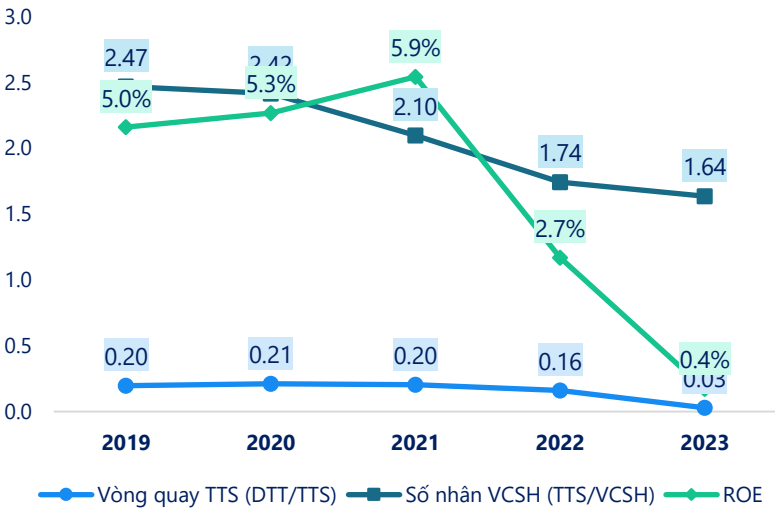


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) giảm xuống còn 10.0% phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng 0.85 tăng so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Sự duy trì của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức 1.00 so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

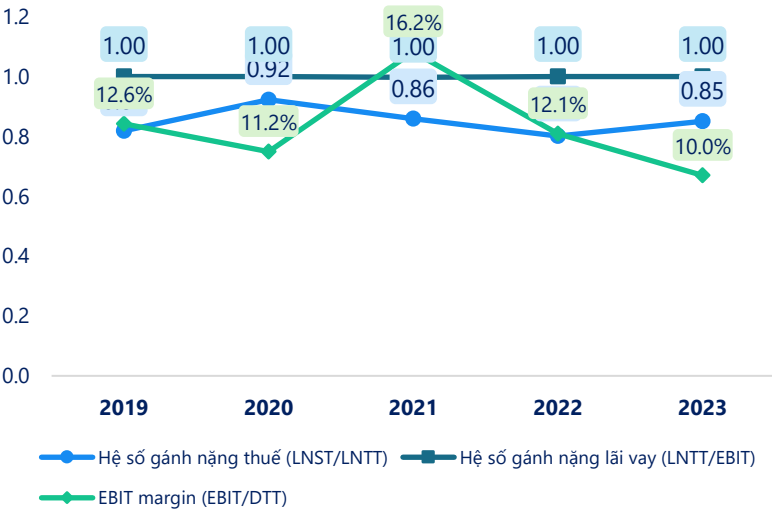
Vòng quay tài sản và ROE



Năm 2023, RCL ghi nhận doanh thu thuần 13.59 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.16 tỷ đồng, lần lượt giảm 83.3% và giảm 85.3% so với năm trước.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với ROE ở mức 0.40%. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

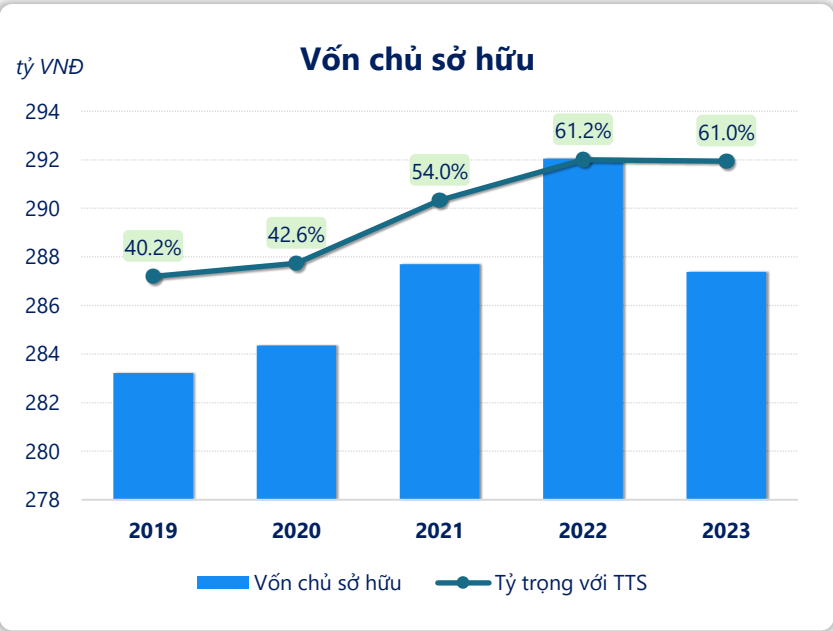
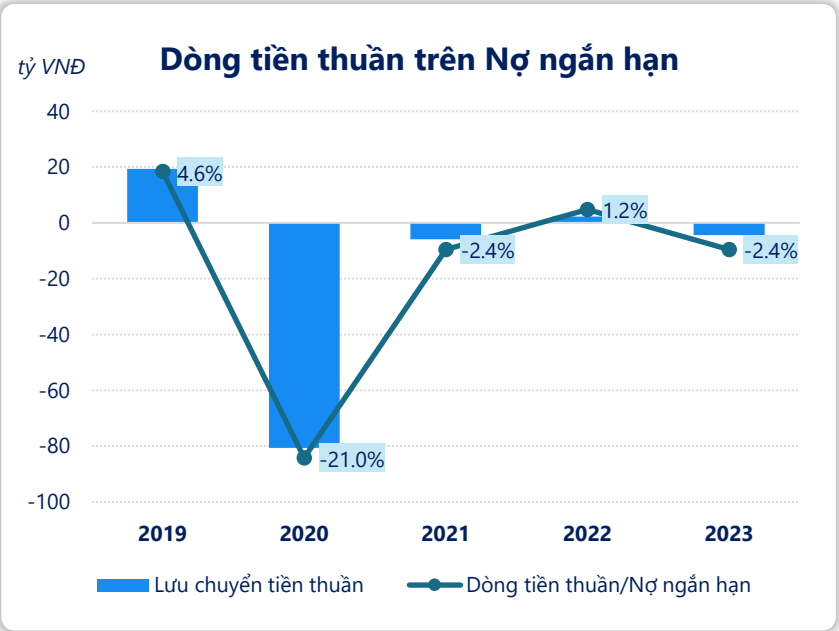
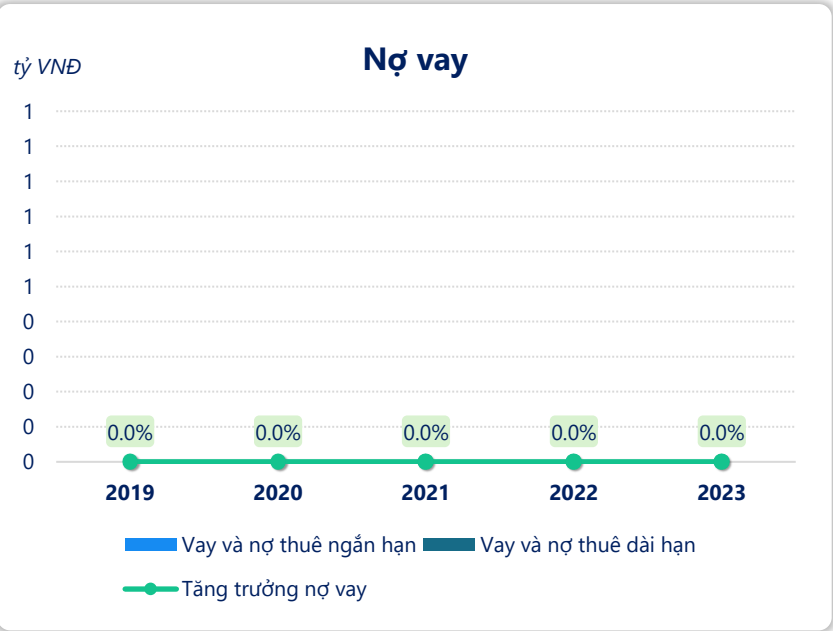
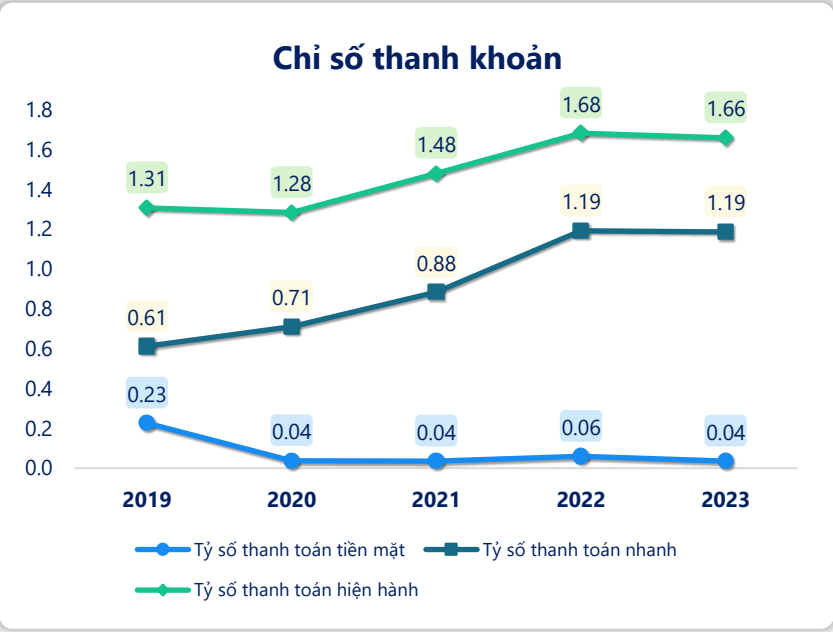
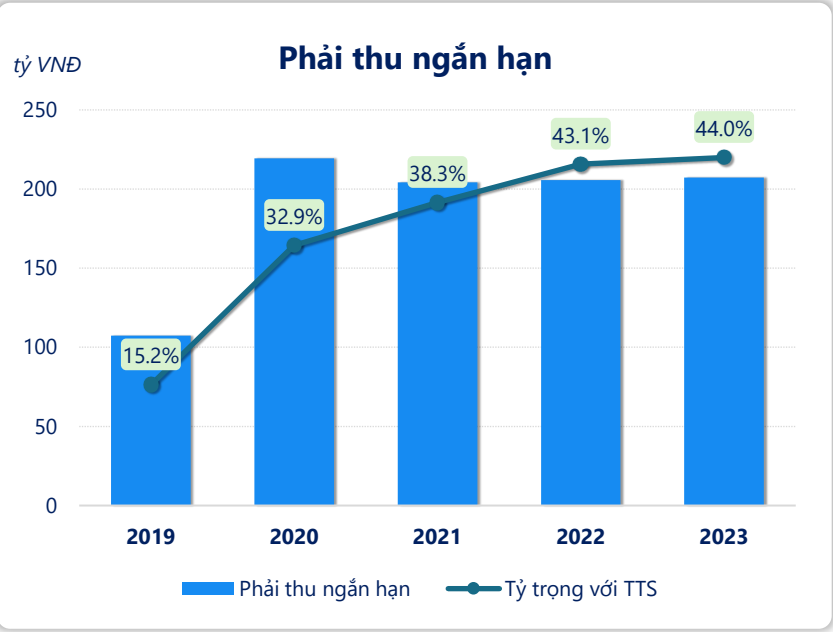
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tổng tài sản đạt 0.03, giảm so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu giảm xuống còn 1.64 cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	471	477	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	305	311	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	6.55	10.9	-40.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.83	3.67	4.4%
Phải thu ngắn hạn	207	206	0.7%
Hàng tồn kho	86.8	90.6	-4.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	0	
Tài sản dài hạn	166	166	0.2%
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	-0.2%
Tài sản cố định	8.55	8.96	-4.6%
Bất động sản đầu tư	44.9	43.0	4.5%
Tài sản dở dang	80.3	81.4	-1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.36	-0.6%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	184	185	-0.6%
Nợ ngắn hạn	184	185	-0.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.73	3.12	-12.5%
Nợ dài hạn	0	0.08	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	287	292	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	287	292	-1.6%
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	123	145	122	81.4	13.6
Giá vốn hàng bán	92.2	114	92.4	57.1	7.24
Lợi nhuận gộp	30.7	30.4	29.6	24.3	6.35
Doanh thu HĐTC	2.77	6.71	1.37	1.09	1.01
Chi phí TC	0	0.00	0.21	1.24	-0.71
Chi phí lãi vay	0	0	0.05	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.75	10.2	8.66	4.71	0.04
Chi phí QLDN	12.4	10.6	7.37	9.55	6.66
LN thuần từ HĐKD	15.3	16.2	14.8	9.94	1.37
Lợi nhuận khác	0.24	0.03	5.00	-0.06	0.00
LN trước thuế	15.5	16.3	19.8	9.88	1.37
Lợi nhuận sau thuế	12.7	15.0	17.0	7.91	1.16
LNST của CĐ cty mẹ	12.7	15.0	17.0	7.91	1.16

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.4	-92.6	-33.3	1.14	-1.15
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-53.0	22.1	37.5	1.09	0.94
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	46.0	-10.1	-10.1	0	-4.16
Tiền đầu kỳ	75.9	95.1	14.5	8.68	10.9
Lưu chuyển tiền thuần	19.3	-80.6	-5.83	2.23	-4.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	95.2	14.5	8.68	10.9	6.55